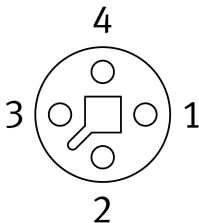


Cáp kết nối
NEBL-T12W4-E-10-N-LE4
 Số bộ phận: 8080780

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 61076-2-111
Giấy phép	c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E504946
Tên cáp	không giá biển báo
trọng lượng sản phẩm	1051 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	được kê góc
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1, Được mã hóa T theo EN 61076-2-111
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	4
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	4
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...63 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	12 A
Độ chịu điện áp xung	1.5 KV
Lớp bảo vệ	không
Chiều dài cáp	10 m
Đặc điểm dây dẫn	thích hợp cho máng xích
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	42 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	84 mm
Đường kính cáp	8.4 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,25 mm
Cấu tạo cáp	4 x 1,5 mm ²

Đặc tính	Giá trị
Mặt cắt danh định của dây dẫn	1.5 mm ²
Đầu dây	tước
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...80 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-25 °C...80 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	màu đen
Vật liệu vỏ	PA
nhà màu	màu đen
Vật liệu khóa vít	Kẽm đúc áp lực, mạ niken
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau
Vật liệu vỏ cách điện	PP